Van điện từ
VUVS-L25-M32U-AD-N14-F8

Số bộ phận: 575548

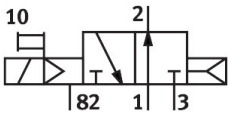

Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Chức năng van	3/2 mở đơn ổn định
Kiểu vận hành	điện
Kích thước van	26.5 mm
Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343)	1000 l/ph
Cổng nối làm việc bằng khí nén	1/4 NPT
Áp suất vận hành	0.25 MPA...1 MPA 2.5 bar...10 bar
Cấu trúc xây dựng	thanh trượt pít tông
Kiểu cài đặt lại	lò xo khí nén
Giấy phép	c UL us - Recognized (OL)
Phân loại hàng hải	xem chứng nhận
Cơ quan cấp chứng chỉ	DNVGL-TAA000011J
Chiều rộng định mức	6.3 mm
Chức năng khí xả	có thể điều tiết
Nguyên lý bít	mềm
Vị trí lắp đặt	bất kì
Nút ghi đè	khớp quét
Kiểu điều khiển	điều khiển trước
kiểm soát cung cấp không khí	trong
Hướng dòng chảy	không thể đảo ngược
Xếp chồng	gối chồng dương
giá trị b	0.3
Giá trị C	4.2 l/s*bar
Thời gian chuyển mạch tắt	26 ms
Thời gian chuyển mạch bật	12 ms
Xung thử nghiệm dương tính tối đa với tín hiệu 0	2000 µs
Xung thử nghiệm âm tối đa với 1 tín hiệu	3600 µs
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6

Đặc tính	Giá trị
chống sốc	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Loại phòng sạch	Loại 6 theo ISO 14644-1
Nhiệt độ trung bình	-10 °C...60 °C
Môi chất kiểm soát	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-10 °C...60 °C
trọng lượng sản phẩm	244 g
Kiểu gắn	Trên ray gắn van cụm với lỗ xuyên tùy ý:
Kết nối lỗ mở thông khí	không được gom
Cổng nối kiểm soát khí thải 82	10-32 UNF-2B
Cổng nối khí nén 1	1/4 NPT
Cổng nối khí nén 2	1/4 NPT
Cổng nối khí nén 3	1/4 NPT
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu của phớt	HNBR NBR
Vật liệu vỏ	Nhôm đúc áp lực sơn
Vât liệu con trượt pít tông	Hợp kim nhôm rèn
Vật liệu vít	Thép mạ, kẽm